

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4
TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Biểu số II.07b/VPCP/KSTT

**Kỳ báo cáo: Quý I Năm 2022
(Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/3/2022)**

- Đơn vị báo cáo:
UBND huyện Cẩm Xuyên
- Đơn vị nhận báo cáo:
UBND tỉnh Hà Tĩnh

Đơn vị tính: TTHC, %

I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp Xã
-1	-2	(3)=(4)+(5)+(6)	-4	-5	-6	(7)=(8)+(9)+(10)	-8	-9	-10	(11)=(12)+(13)+(14)	-12	-13	-14
1	Xây dựng	6		6		6		6		6		6	
2	Quy hoạch	4		4		4		4		4		4	
3	Hạ tầng	3		3		3		3		3		3	
4	Đất đai	27	16	10	1	27	16	10	1	27	16	10	1
5	Đăng ký biện pháp bảo đảm	9	9			9	9			9	9		
6	Biển và hải đảo	1		1		1		1		1		1	
7	Môi trường	2		1	1	2		1	1	2		1	1
8	Tài nguyên nước	2		1	1	2		1	1	2		1	1
9	Thủy lợi	8		5	3	8		5	3	8		5	3
10	Lâm nghiệp	3		3		3		3		3		3	

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp Xã
11	Kinh tế hợp tác và PTNT	3		3		3		3		3		3	
12	Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	3		3		3		3		3		3	
13	Thủy sản	3		3		3		3		3		3	
14	Nông nghiệp và PTNT	2		1	1	2		1	1	2		1	1
15	Phòng chống thiên tai	5	1	1	3	5	1	1	3	5	1	1	3
16	Trồng trọt	1		0	1	1		0	1	1		0	1
17	Khoa học công nghệ và Môi trường	1		0	1	1		0	1	1		0	1
18	Kinh doanh khí	3		3		3		3		3		3	
19	An toàn thực phẩm	2		2		2		2		2		2	
20	Lưu thông hàng hóa trong nước	9		9		9		9		9		9	
21	Quản lý giá	1		1		1		1		1		1	
22	Quản lý công sản	22		13	9	22		13	9	22		13	9
23	Y tế	3	3			3	3			3	3		
24	ATTP VÀ dinh dưỡng	1		1		1		1		1		1	
25	Người có công	23	20	3	0	23	20	3	0	23	20	3	0
26	Bảo trợ xã hội	25	3	15	7	25	3	15	7	25	3	15	7
27	Tệ nạn xã hội	3		1	2	3		1	2	3		1	2
28	Việc làm	2	2			2	2			2	2		
29	Lao động - tiền lương	2	2			2	2			2	2		

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp Xã
30	Văn hóa cơ sở	14		11	3	14		11	3	14		11	3
31	Gia đình	6		6		6		6		6		6	
32	Thư viện	2		1	1	2		1	1	2		1	1
33	Thể dục thể thao	1		0	1	1		0	1	1		0	1
34	Xây dựng cơ bản, đấu thầu	4		4		4		4		4		4	
35	Thành lập, hoạt động hộ kinh doanh	5		5		5		5		5		5	
36	Thành lập, hoạt động hợp tác xã	16		16		16		16		16		16	
37	Thành lập, hoạt động tổ hợp tác	3		0	3	3		0	3	3		0	3
38	Đường bộ	5		5		5		5		5		5	
39	Đường thủy	18		9	9	18		9	9	18		9	9
40	Tổ chức hành chính sự nghiệp nhà nước	3		3		3		3		3		3	
41	Hội, tổ chức phi Chính phủ	15		15		15		15		15		15	
42	Thi đua khen thưởng	13		8	5	13		8	5	13		8	5
43	Tín ngưỡng, tôn giáo	18		8	10	18		8	10	18		8	10
44	Giáo dục đào tạo	5			5	5			5	5			5
45	giáo dục mầm non	5		5		5		5		5		5	
46	giáo dục tiểu học	6		6		6		6		6		6	
47	giáo dục trung học	7		7		7		7		7		7	
48	giáo dục dân tộc	5		5		5		5		5		5	

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp Xã
49	giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống quốc dân và cơ sở giáo dục khác	2		2		2		2		2		2	
50	giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống quốc dân	9		9		9		9		9		9	
51	Văn bằng, chứng chỉ	2		2		2		2		2		2	
52	Hộ Tịch	39		16	23	39		16	23	39		16	23
53	Chứng thực	23		12	11	23		12	11	23		12	11
54	Hòa giải cơ sở	5		1	4	5		1	4	5		1	4
55	Con nuôi	4		1	3	4		1	3	4		1	3
56	Phổ biến giáo dục pháp luật	2			2	2			2	2			2
57	Xuất bản, In và Phát hành	2		2		2		2		2		2	
58	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	4		4		4		4		4		4	
59	Liên thông khai tử	3		0	3	3		0	3	3		0	3
TỔNG CỘNG		425	56	256	113	425	56	256	113	425	56	256	113

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP TỈNH, HUYỆN

STT	Lĩnh vực	Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Số lượng TTHC	Tỷ lệ	Số lượng TTHC	Tỷ lệ
-1	-2	-3	-4	-5	-6
1	Hiện tại địa phương chưa thực hiện được				
TỔNG CỘNG					